



RSM DTL Auditing
Connected for Success

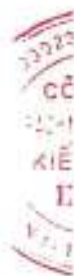
**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	03
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2015	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	07
Thuyết minh báo cáo tài chính	08 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội trước đây là Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302251673 vào ngày 19 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phú Quốc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thi	Thành viên
Ông Lê Văn Trường	Thành viên
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên
Ông Thân Đức Dương	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Vũ Hoàng Tuấn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của sáu tháng đầu năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH



Số: 16.137/BCKT-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 32 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.1 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Thông tư này yêu cầu phân loại lại một số số liệu so sánh như được trình bày tại mục 4.22 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015



ĐẠNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: 360A Bến Văn Đồn, phường 1, quận 4, Tp. HCM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		329.229.249.114	272.535.267.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	81.373.621.692	73.401.749.089
1. Tiền	111		373.621.692	151.749.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.000.000.000	73.250.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	100.405.465.596	75.405.465.596
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.405.465.596	75.405.465.596
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.153.660.265	9.891.128.771
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.919.933.559	22.838.056.429
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		179.930.796	435.188.688
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.030.575.863	594.663.607
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(13.976.779.953)	(13.976.779.953)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	137.555.231.192	113.749.984.548
1. Hàng tồn kho	141		137.555.231.192	113.749.984.548
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		741.270.369	86.939.956
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	741.270.369	86.939.956
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.080.569.024	156.672.913.289
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		46.925.762.343	46.925.762.343
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	46.925.762.343	46.925.762.343
II. Tài sản cố định	220		3.200.745.566	3.321.412.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.889.455.252	2.910.122.082
- Nguyên giá	222		5.895.310.835	5.595.207.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.005.855.583)	(2.685.085.209)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	311.290.314	411.290.316
- Nguyên giá	228		798.000.000	798.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(486.709.686)	(386.709.684)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	24.880.069.023	21.094.600.725
- Nguyên giá	231		42.826.580.037	38.469.503.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.946.511.014)	(17.374.902.587)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	27.058.906.154	26.085.021.654
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		14.221.606.966	14.206.606.966
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.837.299.188	11.878.414.688
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	57.849.887.321	59.188.796.215
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.305.873.155	18.305.873.155
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.470.000.000	19.470.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.968.466.666	41.918.466.666
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.894.452.500)	(20.505.543.606)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		165.198.617	57.319.954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	165.198.617	57.319.954
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		489.309.818.138	429.208.181.249

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

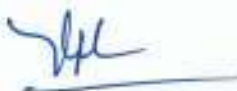
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		172.693.874.823	103.917.474.468
I. Nợ ngắn hạn	310		161.895.579.579	93.276.429.224
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		84.864.288	1.467.972
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.804.372.644	927.972.393
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.635.803.458	9.284.729.473
4. Phải trả người lao động	314		162.022.892	-
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	60.195.800.154	228.075.959
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	68.077.388.848	78.377.563.537
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.935.327.295	4.456.619.890
II. Nợ dài hạn	330		10.798.295.244	10.641.045.244
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	10.798.295.244	10.641.045.244
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	316.615.943.315	325.290.706.781
I. Vốn chủ sở hữu	410		316.615.943.315	325.290.706.781
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Cổ phiếu quỹ	415		(13.376.358.507)	(13.376.358.507)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.565.639.302	24.482.461.662
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		37.477.375.437	26.049.774.111
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.063.553.965	51.249.096.397
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.592.183.690	15.967.549.232
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.471.370.275	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		489.309.818.138	429.208.181.249

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN THANH PHÚC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN NGỌC HẠNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	16.130.536.026	17.610.463.382
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	10.556.975.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.573.561.026	17.610.463.382
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	(470.607.584)	4.513.438.798
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.044.168.610	13.097.024.584
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	8.891.029.302	6.453.737.266
7. Chi phí tài chính	22		-	1.442.871.280
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	152.201.667
8. Chi phí bán hàng	25		38.343.000	79.319.098
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.500.583.362	3.017.336.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.396.271.550	15.011.235.164
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.697.697.874	3.676.572.470
12. Chi phí khác	32	6.7	3.031.984.814	3.015.908.290
13. Lợi nhuận khác	40		665.713.060	660.664.180
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.061.984.610	15.671.899.344
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.590.614.335	2.512.316.297
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.471.370.275	13.159.583.047

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN THANH PHÚC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		108.229.393.675	22.907.871.162
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(17.083.717.218)	(6.312.795.891)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.650.396.243)	(1.084.181.337)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(152.201.667)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.715.343.591)	(3.483.661.816)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		399.432.031	60.481.137.706
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.175.722.682)	(90.973.982.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.003.645.972	(18.617.814.593)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(249.839.920)	(498.009.798)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	13.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.000.000.000)	(2.405.465.596)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(11.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.767.997.000	562.209.219
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.433.259.751	5.667.535.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.048.583.169)	(8.460.230.182)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	63.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(63.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(22.983.190.200)	(6.385.129.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.983.190.200)	(6.385.129.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.971.872.603	(33.463.173.900)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		73.401.749.089	76.970.364.470
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		81.373.621.692	43.507.190.570

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN THANH PHÚC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN NGỌC HẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302251673 vào ngày 19 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng, Kinh doanh nhà ở, Cho thuê bến bãi, Kinh doanh bất động sản, Cho thuê kho.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SGD BĐS Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	100%	100%	100%
Công ty TNHH DVQL Cao Ốc Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP DV Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	360C Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	49%	49%	49%
Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn	14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	20%	20%	20%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.22.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

17
NG
L
M T
, T
P H

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.4. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	7 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
+ Tài sản cố định khác	3 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình***Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm
+ Quyền sử dụng đất	2 – 50 năm
+ Nhà và quyền sử dụng đất	40 – 50 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)***Nguyên tắc ghi nhận vốn góp theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Bên góp vốn ghi nhận tài sản đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận góp vốn ghi nhận tài sản các bên góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng.

Doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

4.11. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

10/10/2023

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về bán tài sản, cho thuê mặt bằng;

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian bán tài sản, cho thuê mặt bằng.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi.

4.20. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cho thuê mặt bằng 10%
- Các dịch vụ khác 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.21. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
TÀI SẢN		
Đầu tư ngắn hạn	-	75.405.465.596
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.405.465.596	-
Hàng tồn kho	113.749.984.548	127.956.591.514
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	14.206.606.966	-
Phải thu ngắn hạn khác	594.663.607	584.663.607
Tài sản ngắn hạn khác	-	10.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	86.939.956	62.466.431
Chi phí trả trước dài hạn	57.319.954	81.793.479
Phải thu dài hạn khác	46.925.762.343	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	41.918.466.666	88.844.229.009
NGUỒN VỐN		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	228.075.959	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	228.075.959
Phải trả ngắn hạn khác	78.377.563.537	85.318.603.558
Phải trả dài hạn khác	10.641.045.244	3.700.005.223
Quỹ dự phòng tài chính	-	26.049.774.111
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.049.774.111	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi trong việc trình bày một số chỉ tiêu giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	228.985.000	38.893.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	144.636.692	112.855.889
Các khoản tương đương tiền	81.000.000.000	73.250.000.000
Cộng	<u>81.373.621.692</u>	<u>73.401.749.089</u>

(Xem trang tiếp theo)

18
CÔNG
TY
KHÁNH
HỘI
T.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Văn Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con:					
Công ty TNHH MTV Mắm Non Khánh Hội	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sản Giao dịch BĐS Khánh Hội	305.873.155	-	305.873.155	305.873.155	305.873.155
Công ty TNHH MTV DVQL Cao Ốc Khánh Hội	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	18.305.873.155	-	18.305.873.155	18.305.873.155	18.305.873.155
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.470.000.000	(1.470.000.000)	-	1.470.000.000	-
Công ty CP Thực Phẩm Học Môn	18.000.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	19.470.000.000	(1.470.000.000)	18.000.000.000	19.470.000.000	18.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Văn Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào đơn vị khác:					
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Thương mại Củ Chi	16.159.866.666	(11.572.950.666)	4.586.916.000	16.159.866.666	4.586.916.000
Công ty CP Thương Mại Phú Nhuận	4.600.000.000	(700.000.000)	3.900.000.000	4.600.000.000	3.900.000.000
Công ty CP Căn nhà mở ước Đông Nam	12.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	12.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Kỹ Thuật Xây Dựng Phú Nhuận	1.162.500.000	(40.000.000)	1.122.500.000	1.162.500.000	1.122.500.000
Công ty CP BĐS Bến Thành Đức Khái	619.100.000	(111.501.834)	507.598.166	619.100.000	507.598.166
Công ty CP DL Bến Thành Long Hải	-	-	-	1.950.000.000	1.338.908.894
Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông	5.427.000.000	-	5.427.000.000	5.427.000.000	5.427.000.000
Cộng	39.968.466.666	(18.424.452.500)	21.544.014.166	41.918.466.666	22.882.923.060

(Xem trang tiếp theo)

5.3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ		Đầu năm	
			VND	
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:				
Công ty CP Tập Đoàn Địa Ốc Nova	6.007.171.170		2.498.764.118	
Công ty CP Tri Thức Doanh Nghiệp Quốc Tế	13.976.779.953		13.976.779.953	
Các khách hàng khác	1.935.982.436		6.362.512.358	
Cộng	21.919.933.559		22.838.056.429	
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan: - Xem thêm Mục 8				
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.154.018.416		1.594.294.733	
Cộng	1.154.018.416		1.594.294.733	

5.4. Phải thu khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
			VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho BQL CCKH 3	100.000.000	-	10.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	35.250.000	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	562.976.802	-	471.058.339	-
Phải thu khác	332.349.061	-	113.605.268	-
Cộng	1.030.575.863	-	594.663.607	-
Dài hạn:				
Dự án Xuân Thới Đông Học Môn (Cty CP TM Học Môn)	46.925.762.343	-	46.925.762.343	-
Cộng	46.925.762.343	-	46.925.762.343	-

5.5. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
			VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	13.976.779.953	-	13.976.779.953	-
Cộng	13.976.779.953	-	13.976.779.953	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp, vì đây là khoản công nợ phải thu từ Công ty CP Tri Thức Doanh Nghiệp Quốc Tế từ bán văn phòng làm việc tại vị trí V2 và V3 thuộc chung cư Khánh Hội 2 và hiện tại khách hàng này vẫn đang sử dụng nhưng đang trong giai đoạn khó khăn chưa có khả năng thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Ngàn đồng					
	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Tri Thức Doanh Nghiệp Quốc Tế	13.976.780	-	Trên 4 năm	13.976.780	-	Trên 3 năm
Cộng	13.976.780	-		13.976.780	-	

5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	137.303.193.093	-	113.497.946.449	-
Thành phẩm	252.038.099	-	252.038.099	-
Cộng	137.555.231.192	-	113.749.984.548	-

5.7. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	14.221.606.966	14.206.606.966
XDCB dở dang công trình XDCB 70-72-74 Nguyễn Tất Thành	11.878.414.688	11.878.414.688
XDCB dở dang công trình Bể xử lý nước thải	958.884.500	-
Cộng	27.058.906.154	26.085.021.654

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	2.508.860.482	474.819.773	1.760.320.086	215.701.909	635.505.041	5.595.207.291
Mua trong kỳ	-	-	-	-	300.103.544	300.103.544
Số dư cuối kỳ	2.508.860.482	474.819.773	1.760.320.086	215.701.909	935.608.585	5.895.310.835
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	807.366.135	466.321.025	1.120.674.849	133.986.755	156.726.445	2.685.085.209
Khấu hao trong kỳ	137.920.628	8.498.748	63.964.524	22.481.820	87.904.654	320.770.374
Số dư cuối kỳ	945.286.763	474.819.773	1.184.639.373	156.478.575	244.631.099	3.005.855.583
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	1.701.494.347	8.498.748	639.645.237	81.705.154	478.778.596	2.910.122.082
Tại ngày cuối kỳ	1.563.573.719	-	575.680.713	59.223.334	690.977.486	2.889.455.252

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.109.518.451 đồng;

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
	Phần mềm
Khoản mục	
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	798.000.000
Số dư cuối kỳ	798.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	386.709.684
Khấu hao trong kỳ	100.000.002
Số dư cuối kỳ	486.709.686
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	411.290.316
Tại ngày cuối kỳ	311.290.314

5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong kỳ	VND
				Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	20.331.586.862	-	-	20.331.586.862
Nhà và quyền sử dụng đất	18.137.916.450	4.357.076.725	-	22.494.993.175
Cộng	38.469.503.312	4.357.076.725	-	42.826.580.037
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	13.495.039.375	272.673.714	-	13.767.713.089
Nhà và quyền sử dụng đất	3.879.863.212	298.934.713	-	4.178.797.925
Cộng	17.374.902.587	571.608.427	-	17.946.511.014
Giá trị còn lại:				
Nhà	6.836.547.487			6.563.873.773
Nhà và quyền sử dụng đất	14.258.053.238			18.316.195.250
Cộng	21.094.600.725			24.880.069.023

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 2.426.442.366 đồng.

5.11. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	VND
		Đầu năm
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	127.788.329	24.473.525
Các khoản khác	613.482.040	62.466.431
Cộng	741.270.369	86.939.956
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	165.198.617	57.319.954
Cộng	165.198.617	57.319.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong kỳ	VND Cuối kỳ
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	2.704.080.536	6.157.653.015	8.647.137.474	214.596.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.534.802.162	1.590.614.335	6.715.343.591	1.410.072.906
Thuế thu nhập cá nhân	45.846.775	527.685.118	562.397.418	11.134.475
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		1.018.679.295	1.018.679.295	
Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
Cộng	9.284.729.473	9.299.631.763	16.948.557.778	1.635.803.458

5.13. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Nhận cọc chuyển nhượng dự án 56 Bến Vân Đồn	60.000.000.000	60.000.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	4.056.592	4.056.592
Tiền bảo tri CC KH2 – Căn hộ	4.902.540.363	4.928.512.363
Tiền bảo tri CC KH2 – Văn phòng	296.336.619	459.199.599
Tiền bảo tri CC KH3 – Căn hộ	2.526.495.046	2.526.495.046
Cổ tức phải trả	3.826.725	10.218.577.925
Các khoản phải trả, phải nộp khác	344.133.503	240.722.012
Cộng	68.077.388.848	78.377.563.537
Dài hạn:		
Nhận góp vốn dự án CC KH 4 – Công ty CP Đầu tư TM Hóc Môn	6.935.540.021	6.935.540.021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.862.755.223	3.705.505.223
Cộng	10.798.295.244	10.641.045.244

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Doanh thu cho thuê mặt bằng	195.800.154	228.075.959
Doanh thu từ chuyển nhượng dự án 56 Bến Vân Đồn	60.000.000.000	-
Cộng	60.195.800.154	228.075.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	46.676.820.135	286.153.743.978	
Lãi cùng kỳ trước	-	-	-	-	13.159.583.047	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	3.855.415.638	(3.855.415.638)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.570.277.092)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.384.219.500)	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	50.532.235.773	290.358.830.433	
Lãi sáu tháng cuối năm trước	-	-	-	-	54.061.601.223	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.152.658.500)	
Tặng khác	-	-	-	-	22.933.625	
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	50.532.235.773	325.290.706.781	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	9.471.370.275	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	21.510.778.966	(21.510.778.966)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.377.694.741)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.768.439.000)	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	72.043.014.739	316.615.943.315	

(Xem trang tiếp theo)

5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	40.073.870.000	40.073.870.000
Vốn góp của các đối tượng khác	101.129.220.000	101.129.220.000
Cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

5.15.3. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	14.120.309	14.120.309
Cổ phiếu phổ thông	14.120.309	14.120.309
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	1.351.870	1.351.870
Cổ phiếu phổ thông	1.351.870	1.351.870
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	12.768.439	12.768.439
Cổ phiếu phổ thông	12.768.439	12.768.439
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.15.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	VND Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	24.482.461.662	26.049.774.111
Trích trong năm	10.083.177.640	11.427.601.326
Chi trong năm	-	-
Số dư cuối năm	34.565.639.302	37.477.375.437

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	1.139.356.640	2.724.605.034
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	-	364.438.132
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	14.991.179.386	14.521.420.216
Cộng	16.130.536.026	17.610.463.382
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8		
Công ty TNHH Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	2.502.092.328	2.379.302.008
Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch BĐS Khánh Hội	-	90.094.983
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.387.856.717	1.252.249.564
Cộng	3.889.949.045	3.721.646.555

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Hàng bán bị trả lại	10.556.975.000	-
Cộng	10.556.975.000	-

6.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	2.145.846.820	2.432.005.312
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.740.622.321	1.717.088.910
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	-	364.344.576
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(4.357.076.725)	-
Cộng	(470.607.584)	4.513.438.798

Ghi giảm giá vốn hàng bán là khoản khách hàng trả lại văn phòng số 01,02 Lô C chung cư Khánh Hội 2.

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.319.410.696	1.893.064.808
Lãi bán các khoản đầu tư	429.088.106	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.142.530.500	4.485.255.790
Lãi sử dụng vốn	-	75.416.668
Cộng	8.891.029.302	6.453.737.266

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.669.139.336	1.439.224.204
Chi phí đồ dùng văn phòng	197.867.215	102.197.359
Chi phí khấu hao TSCĐ	312.412.600	295.650.885
Thuế, phí và lệ phí	10.179.764	8.726.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.633.466	376.639.866
Chi phí bằng tiền khác	1.768.350.981	794.897.480
Cộng	4.500.583.362	3.017.336.308

6.6. Thu nhập khác

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	20.454.544
Tiền điện sử dụng	2.896.769.744	2.882.184.494
Tiền nước và phí bảo vệ môi trường	776.971.062	752.326.434
Thu nhập khác	23.957.068	21.606.998
Cộng	3.697.697.874	3.676.572.470

6.7. Chi phí khác

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Tiền điện sử dụng	2.433.919.111	2.246.543.029
Tiền nước và phí bảo vệ môi trường	580.690.703	553.300.946
Các khoản khác	17.375.000	216.064.315
Cộng	3.031.984.814	3.015.908.290

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.400.547	103.204.824
Chi phí nhân công	1.684.139.336	1.536.049.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	992.378.803	972.590.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.232.115.991	4.144.625.220
Chi phí khác bằng tiền	1.778.530.745	5.312.403.564
Cộng	27.888.565.422	12.068.873.774

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.590.614.335	2.504.253.797
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	8.062.500
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.590.614.335	2.512.316.297

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch BĐS Khánh Hội	Công ty con
3. Công ty TNHH Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	Công ty con
4. Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
5. Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	Công ty liên kết
6. Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Tổng Giám đốc Công ty

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3		
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.154.018.416	1.594.294.733
Cộng	1.154.018.416	1.594.294.733

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải trả		
Công ty TNHH Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	(1.892.000)	-
Cộng	(1.892.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Bán hàng:		
Công ty TNHH Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	2.274.629.389	2.379.302.008
Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch BĐS Khánh Hội	-	90.094.983
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.387.856.717	1.252.249.564

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Mua hàng:		
Công ty TNHH Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	1.957.441.650	1.980.838.093
Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch BĐS Khánh Hội	-	86.227.000

Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thủ lao Hội đồng quản trị	429.625.000	337.750.000
Thu nhập Ban Điều hành	405.302.041	300.688.332
Cộng	834.927.041	638.438.332

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường chủ yếu là rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HDQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HDQT phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.373.621.692	73.401.749.089
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.506.130.408	9.455.940.083
Đầu tư ngắn hạn	100.405.465.596	75.405.465.596
Cộng	<u>190.285.217.696</u>	<u>158.263.154.768</u>
Công nợ tài chính:		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.676.818.264	18.134.252.905
Cộng	<u>11.676.818.264</u>	<u>18.134.252.905</u>

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền và tương đương tiền	81.373.621.692	73.401.749.089
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.506.130.408	9.455.940.083
Cộng	<u>89.879.752.100</u>	<u>82.857.689.172</u>

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	VND
	Nợ phải trả
Dưới 01 năm	7.814.063.041
Từ 1 – 3 năm	3.862.755.223
Số dư ngày 30/06/2015	<u>11.676.818.264</u>

	VND
	Nợ phải trả
Dưới 01 năm	14.434.247.682
Từ 1 – 3 năm	3.700.005.223
Số dư ngày 01/01/2015	<u>18.134.252.905</u>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 8 năm 2015.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN THANH PHÚC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH